

平成 29 年 5 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	55.7 t	7.58	8.0 cm	15.5 °C	
放流水量	54.9 t	7.86	50.0 cm	15.4 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	306 KWH	4,165 KWH	5.87 t	
日平均使用量	9.9 KWH	134.4 KWH	0.19 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	ﾌﾟﾗ残渣
月計	10台 5.18t	54台 60.84t	61台 18.35t	11台 29.26t	3台 5.75t	
前月累計	2台 1.34t	40台 49.11t	40台 16.18t	6台 15.16t	2台 3.82t	
年度計	12台 6.52t	94台 109.95t	101台 34.53t	17台 44.42t	5台 9.57t	

小計	
月計	139台 119.38t
前月累計	90台 85.61t
年度計	229台 204.99t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)	
月計	t	139台	119.38t
前月累計	0.48t	90台	86.09t
年度計	0.48t	229台	205.47t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	41台	299 m <sup>3</sup>
前月累計	29台	214 m <sup>3</sup>
年度計	70台	513 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	6.28 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	86.09 t	90台
5	119.38 t	139台
6	t	台
7	t	台
8	t	台
9	t	台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	205.47 t	229台

薬品名	使用量
スケール分散剤	40.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
固形塩素剤	3.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m <sup>3</sup>
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	7 °C	12 °C	4 °C
2	晴	10 °C	14 °C	6 °C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5		°C	°C	°C
6	晴	12 °C	14 °C	3 °C
7		°C	°C	°C
8	晴/曇	6 °C	12 °C	6 °C
9	晴	14 °C	18 °C	1 °C
10	曇	15 °C	19 °C	5 °C
11	雨	12 °C	13 °C	10 °C
12	晴	17 °C	19 °C	9 °C
13		°C	°C	°C
14		°C	°C	°C
15	曇	9 °C	14 °C	6 °C
16	曇/雨	11 °C	14 °C	7 °C
17	晴	16 °C	20 °C	7 °C
18	晴	18 °C	23 °C	8 °C
19	晴	20 °C	22 °C	9 °C
20		°C	°C	°C
21		°C	°C	°C
22	曇	16 °C	18 °C	10 °C
23	曇	15 °C	16 °C	10 °C
24	曇	13 °C	19 °C	9 °C
25	曇/晴	14 °C	21 °C	10 °C
26	晴	18 °C	26 °C	9 °C
27		°C	°C	°C
28		°C	°C	°C
29	晴	19 °C	24 °C	9 °C
30	晴	21 °C	24 °C	13 °C
31	晴	22 °C	25 °C	12 °C